

**BẢN TIN VỤ HÈ THU 2018**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP**  
**NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2018**  
**Lưu vực sông Cả, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Vinh	96,4	-34,4	-20,9	-47,5	1209,6
Đô Lương	96,9	-14,6	-36,3	-54,6	812,5
Cửa Rào	56,1	-56,4	-68,5	-23,9	1455,7
Hà Tĩnh	174,4	-24,8	-31,4	-53,1	1184,6
<b>Trung bình</b>	<b>119,6</b>				

**Nhận xét:** Trên lưu vực sông Cả lượng mưa cộng dồn tại các trạm Vinh, Đô Lương, Cửa Rào và Hà Tĩnh từ 01/2018 đến thời điểm hiện tại thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 15-56%. Thấp hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 24-55%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 21-69%.

Dự báo lượng mưa vụ tới trên lưu vực tiếp tục có mưa, lượng mưa dự báo khoảng từ 800-1700mm. Trên lưu vực sông Cả lượng mưa vụ dự báo từ 01/04 đến 30/09/2018 tại các trạm Vinh, Cửa Rào cao hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 5-21%, cao hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 50-95%, cao hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 2-15%. Tại các trạm Đô Lương, Hà Tĩnh thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 5-32%, thấp hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 7-19%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 22-26%.

**2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi.

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với Wtk ()	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W hữu ích trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		



<b>NGHỆ AN</b>		<b>196,3</b>	<b>71,1</b>		<b>-8,9</b>	<b>+29,2</b>	<b>Giảm</b>	<b>26,4</b>
1	Cửa Ông	2,08	77,0		-8,2	+48,7	Giảm	35,7
2	Khe Gỗ	5,44	53,1		-26,9	+93,0	Giảm	MNC
3	Hồ Lách Bưởi	2,09	61,5		-19,2	+184,3	Giảm	MNC
4	Hồ Khe Làng	3,14	62,8		-18,0	+38,3	Giảm	MNC
5	Hồ Nghi Công	2,60	47,8		-40,2	-43,0	Giảm	53,8
6	Hồ Khe Xiêm	3,18	66,8		-5,4	+78,2	Giảm	44,1
7	Hồ Khe Thị	2,65	84,6		-2,1	+175,9	Giảm	12,7
8	Bàu Gia	11,24	68,2		-9,1	+74,1	Giảm	MNC
9	Mã Tô							
10	Hồ Xuân Dương	9,35	84,5		+3,9	+52,5	Giảm	20,3
11	Kẻ Sặt	3,03	72,8		-1,5	+155,2	Giảm	MNC
12	Nhà Trò	4,71	98,6		-1,4	+294,9	Giảm	44,2
13	Đồn Hùng	4,40	79,3		-3,3	+158,8	Giảm	19,1
14	Quản Hải	5,30	73,5		-15,6	+65,4	Giảm	MNC
15	Vệ Vùng	18,36	81,9		-5,5	+188,1	Giảm	36,1
16	3/2	4,66	78,8		-2,1	+24,6	Giảm	MNC
17	Bà Tuy	5,46	72,5		-11,3	+179,9	Giảm	31,8
18	Vực Mầu	75,00	67,1		-10,9	-12,9	Giảm	22,5
19	Bàu Đá	3,86	57,1		-24,1	+77,2	Giảm	MNC
20	Cầu Cau	2,90	88,9		+6,1	+2,9	Giảm	49,1
21	Khe Nậy	1,97	57,0		-18,5	Hồ cạn	Giảm	Hồ cạn
22	Cao Cang	1,62	90,1		-9,9	-9,9	Giảm	69,3
23	Khe Là	2,50	85,3		-14,7	-8,8	Tăng	100,0
24	Khe Đá	16,60	66,9		+1,1	+77,6	Giảm	49,7
25	Khe Canh	4,20	68,2		-14,7	+0,9	Tăng	98,1
<b>HÀ TĨNH</b>		<b>558,2</b>	<b>79,4</b>		<b>-16,0</b>	<b>+26,2</b>	<b>Giảm</b>	<b>7,6</b>
26	Kẻ Gỗ	345,00	75,7		-17,7	+38,1	Giảm	MNC
27	Sông Rác	124,50	88,6		-10,9	+6,2	Giảm	15,2
28	Thượng Tuy	18,90	87,7		-12,3	+186,6	Giảm	17,5
29	Đập Bún	3,52	53,1		-46,9	-31,1	Giảm	MNC
30	Cửa Thờ - Trại Tiêu	15,90	76,6		-22,1	+7,7	Giảm	18,3
31	Cu Lây - Trường Lão	13,00	83,5		-12,0	+17,1	Giảm	28,2
32	Bình Hà	9,60	74,9		-25,0	-1,1	Giảm	77,0
33	Nhà Đường	3,90	94,7		-5,3	-5,3	Giảm	39,0
34	Khe Hao trên	3,80	50,7		-45,3	-16,3	Giảm	MNC
35	Khe Hao dưới							
36	Đá Bạc	2,94	50,0		-49,3	-34,4	Giảm	21,7
37	Xuân Hoa	9,00	89,8		-4,0	-3,2	Giảm	44,5
38	Hồ Côn Tranh	2,00	115,4		+15,4	+15,4	Giảm	0,2
39	Hồ Khe Cò	3,40	98,6		-1,4	+172,9	Giảm	23,5
40	Hồ Cao Thắng	2,70	72,9		-9,5	+29,7	Giảm	13,2
<b>TỔNG</b>		<b>754,5</b>	<b>77,2</b>		<b>-14,4</b>	<b>+26,9</b>	<b>Giảm</b>	<b>12,5</b>

MNC: Mục nước chết

**Nhận xét:** Hiện tại đầu tháng 4/2018 dung tích các hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích là 139,58 triệu m<sup>3</sup> đạt 71,1% so với dung tích thiết kế và trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là 443,06 triệu m<sup>3</sup> đạt 79,4 so với dung tích thiết kế.



Dự báo xu thế nguồn nước các hồ trên lưu vực trong vụ hè thu như sau:

+ Có 2 hồ có dung tích cuối vụ tăng so với cùng kỳ là hồ Khe Là và hồ Khe Canh thuộc địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Có 11 hồ theo tính toán mực nước cuối vụ sẽ về mực nước chết gồm các hồ, vùng Nghệ An: Hồ Lách Bưởi, Hồ Khe Làng, Nghi Công, Bàu Gia (Mả Tổ), Kê Sặt, Quán Hải, 3/2, Bàu Đá, Khe Nậy. Vùng Hà Tĩnh: Kê Gổ, Đập Bún, Khe Hao

+ Có 7 hồ có nguy cơ về mực nước chết gồm hồ Khe Thị, Xuân Dương, Đồn Húng, Sông Rác, Cửa Thờ - Trại Tiều, Thượng Tuy, Cao Thắng.

+ Các hồ đảm bảo tưới: vùng Nghệ An có Khe Là, Khe Canh.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du (nếu có)

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến hồ so với TBNN
			TB nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Bản Vẽ	1383,0	-555	9,5	9,0	-19,1	Tăng

**Nhận xét:** Dung tích hữu ích hiện có cao hơn so với TBNN là 9,5%, cao hơn so với năm 2017 là 9% và thấp hơn so với năm 2016 là 19,1% cùng thời kỳ.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

### 1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy:

- Tỉnh Nghệ An có 7 hồ thiếu nước là hồ Lách Bưởi, Khe Gổ, Khe Làng, Bàu Gia – Mả Tổ, Bàu Đá, Khe Nậy và Kê Sặt. Có 2 hồ có nguy cơ thiếu nước nếu lượng mưa thiếu hụt so với dự báo là hồ Quán Hải và hồ 3/2.

- Tỉnh Hà Tĩnh hồ Kê Gổ có nguy cơ thiếu nước nếu gieo trồng 13.115ha. Các công trình có nguy cơ thiếu nước là hồ Khe Hao và Đập Bún.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2018 trên lưu vực Sông Cả được thể hiện dưới bảng sau:



TT	Tên công trình	Dung tích so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
<b>NGHỆ AN</b>			<b>7806,8</b>			<b>7392,41</b>	
1	Cửa Ông	77,0	90	35,7	100	90,0	
2	Khe Gỗ	53,1	257,5	0,0	83	212,4	Thiếu nước
3	Hồ Lách Bưởi	61,5	179	0,0	68	121,9	Thiếu nước
4	Hồ Khe Làng	62,8	185,2	0,0	97	179,8	Thiếu nước
5	Hồ Nghi Công	47,8	98	53,8	100	98,0	
6	Hồ Khe Xiêm	66,8	180	44,1	100	180,0	
7	Hồ Khe Thị	84,6	166	12,7	100	166,0	
8	Bàu Gia	68,2	682,9	0,0	79	540,9	Thiếu nước
9	Mã Tô						
10	Hồ Xuân Dương	84,5	491	20,3	100	491,0	
11	Kẻ Sặt	72,8	174	0,0	93	161,8	Thiếu nước
12	Nhà Trò	98,6	167	44,2	100	167,0	
13	Đôn Hùng	79,3	200	19,1	100	200,0	
14	Quản Hải	73,5	354	0,0	100	354,0	Có nguy cơ
15	Vệ Vùng	81,9	539,2	36,1	100	539,2	
16	3/2	78,8	333	0,0	100	333,0	Có nguy cơ
17	Bà Tùy	72,5	174	31,8	100	174,0	
18	Vực Mầu	67,1	1909	22,5	100	1909,0	
19	Bàu Đá	57,1	275,5	0,0	56	155,4	Thiếu nước
20	Cầu Cau	88,9	241,4	49,1	100	241,4	
21	Khe Nậy	57,0	172	0	81	139,5	Thiếu nước
22	Cao Cang	90,1	164	69,3	100	164,0	
23	Khe Là	85,3	225	100,0	100	225,0	
24	Khe Đá	66,9	340	49,7	100	340,0	
25	Khe Canh	68,2	209,1	98,1	100	209,1	
<b>HÀ TĨNH</b>			<b>20782,7</b>		99	<b>20627,1</b>	
26	Kẻ Gỗ	75,7	13115,32	0,0	100	13115,3	Có nguy cơ
27	Sông Rác	88,6	4367,4	15,2	100	4367,4	
28	Thượng Tuy	87,7	776	17,5	100	776,0	
29	Đập Bún	53,1	83	0,0	81	66,9	Thiếu nước
30	Cửa Thờ - Trại Tiểu	76,6	505	18,3	100	505,0	
31	Cu Lây - Trường Lão	83,5	302	28,2	100	302,0	
32	Bình Hà	74,9	40	77,0	100	40,0	
33	Nhà Đường	94,7	183	39,0	100	183,0	
34	Khe Hao trên	50,7	473	0,0	71	333,5	Thiếu nước
35	Khe Hao dưới						
36	Đá Bạc	50,0	45	21,7	100	45,0	

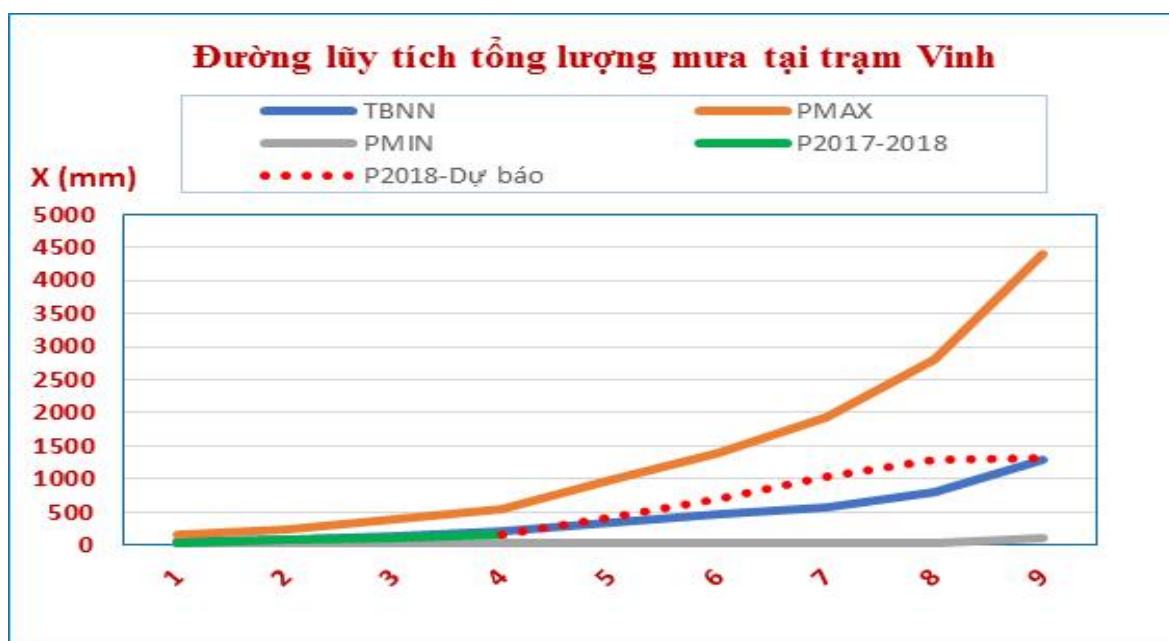


TT	Tên công trình	Dung tích so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
37	Xuân Hoa	89,8	158	44,5	100	158,0	
38	Hồ Cồn Tranh	115,4	210	0,2	100	210,0	
39	Hồ Khe Cò	98,6	385	23,5	100	385,0	
40	Hồ Cao Thắng	72,9	140	13,2	100	140,0	

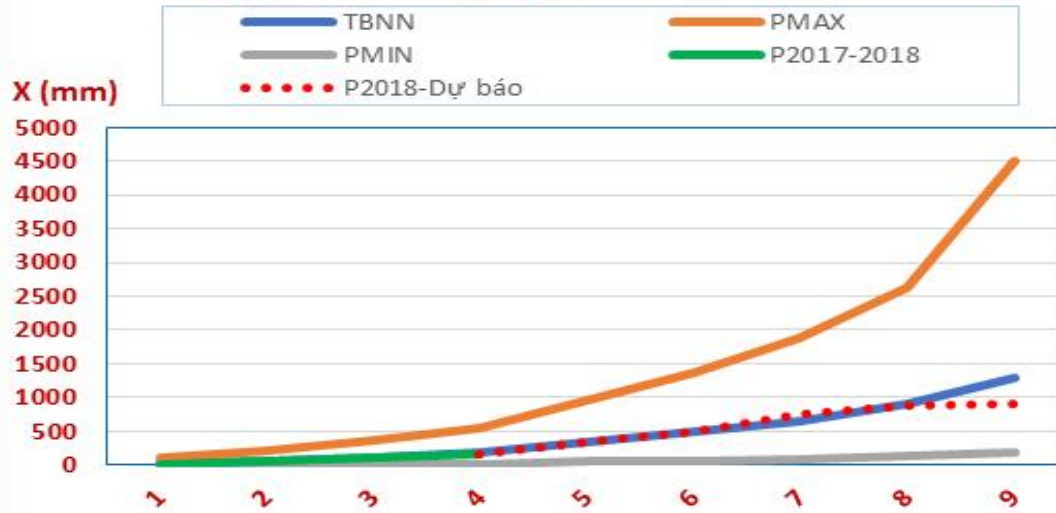
## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Vinh	Nghệ An	1306,0	+ 186,3	+ 1,1	-54	Rủi ro hạn thấp
Đô Lương	Nghệ An	909,4	+ 48,9	-30	-70,1	Rủi ro hạn thấp
Cửa Rào	Nghệ An	1511,8	+ 161,5	+ 13,9	-40	Rủi ro hạn thấp
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	1359,0	+ 174,1	-7,2	-56,7	Rủi ro hạn thấp

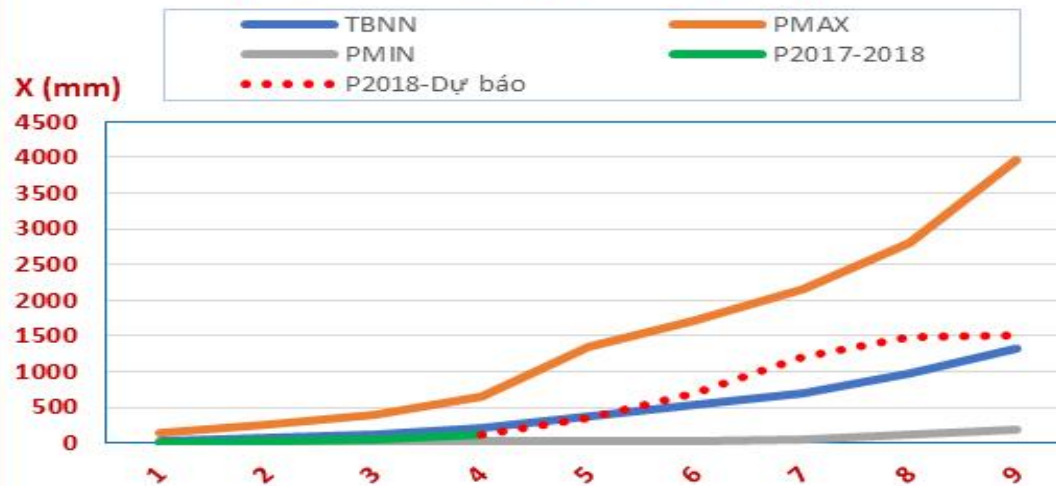
**Nhận xét và khuyến cáo:** Lượng mưa cộng dồn từ đầu mùa mưa 01/2018 tính đến cuối 09/2018 tại trạm Vinh, Cửa Rào cao hơn so với TBNN (từ 1 - 14% so với TBNN), còn ở trạm Đô Lương và Hà Tĩnh thấp hơn TBNN (từ 7 - 30% so với TBNN) nên khả năng lượng nước cung cấp nước ngầm không đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm ở một số khu vực.



### Đường lũy tích tổng lượng mưa tại trạm Đô Lương



### Đường lũy tích tổng lượng mưa tại trạm Cửa Rào





Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Cả

Ghi chú:

*P-TBNN*: Lượng mưa trung bình nhiều năm

*Pmax*: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

*Pmin*: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

*P-Thực đo2017-2018*: Lượng mưa thực đo năm 2017 và năm 2018

*P-Dự báo2018*: Lượng mưa dự báo năm 2018

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Cả cho thấy:

- Trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Nguồn nước ở các khu vực thuộc huyện Đô Lương, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Anh Sơn, Tân Kỳ, Diễn Châu, Nghi Lộc có lượng mưa khá thấp so với trung bình nhiều năm với mức thiếu hụt cao nhất là 30%. Vì vậy trong vụ hè thu có rất nhiều hồ chứa khu vực này không đảm bảo nhiệm vụ tưới theo thiết kế.

- Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Lượng mưa vụ hè thu cũng thấp hơn so với TBNN từ 5-32%. Vì vậy một số hồ lớn như hồ Kẻ Gỗ, hồ sông Rác có nguy cơ bị thiếu nước nếu phục vụ tưới theo thiết kế.

Vì vậy trong thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ hè thu.

**Bản tin tiếp theo sẽ được cập nhật ngày 20/4/2018.**